

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Khuyên
2. Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;

Hiện đang trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11 tháng 02 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Phạm Văn C trình bày:

Anh kết hôn với chị Triệu Thị N ngày 13 tháng 02 năm 2006, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu, hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết hôn xong, chị N về chung sống cùng gia đình anh tại thôn L, xã T ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 8 năm, đến năm 2014 anh bị nhiễm HIV và bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, không đi lại được phải nằm một chỗ thì chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, bỏ mặc chồng con không quan tâm, chăm sóc, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên anh xin được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Phạm Thị Minh K, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Thị Quỳnh G, sinh ngày 25/6/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh, nhưng hiện tại anh đang mắc bệnh hiểm nghèo, không có khả năng đi lại nên người chăm sóc trực tiếp các cháu là bố mẹ đẻ anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu G, để chị N nuôi cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Triệu Thị N quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình chị N là bà Lưu Thị H (bà H là mẹ đẻ của chị N) cho biết: Hiện tại chị N đang làm công nhân tại thành phố Vĩnh Yên, làm ở công ty nào thì địa phương và gia đình không biết, các lần Tòa án báo gọi chị N có nhận được giấy tờ nhưng vì công việc bận nên chị N không đến Tòa án để làm việc, chị N có biết việc anh C xin ly hôn. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H trình bày là do anh C chơi bời mắc bệnh xã hội, gia đình anh C đuổi chị N đi, chị N không tự ý bỏ chồng, bỏ con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của anh C trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy

định của pháp luật. Chị Triệu Thị N đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho anh C được ly hôn chị N. Về con chung: giao cho anh C và chị N mỗi người nuôi 1 con chung. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: các bên không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn C xin ly hôn chị Triệu Thị N và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần đối với bị đơn là chị Triệu Thị N nhưng chị N không đến Tòa để làm việc. Tòa án đã tiến hành thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đến gia đình của chị N nhưng chị N vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Phạm Văn C và chị Triệu Thị N là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 do anh C bị bệnh tật, gia đình nảy sinh mâu thuẫn và chị N về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, không quan tâm chăm sóc anh C, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng.

Xét tình cảm vợ chồng giữa anh C và chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đến để giải

quyết việc anh C xin ly hôn nhưng chị N cố tình vắng mặt, không có lý do. Như vậy phần nào thể hiện chị N không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị xin ly hôn của anh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh C và chị N có 02 con chung là Phạm Thị Minh K, sinh ngày 18/5/2007 và Phạm Thị Quỳnh G, sinh ngày 25/6/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh C. Ly hôn, anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phạm Thị Quỳnh G, để chị N nuôi cháu Phạm Thị Minh K. Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của anh C và chị N là như nhau. Chị N không có mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm của chị về con chung, tuy nhiên nếu giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện chăm sóc cho các cháu. Bởi lẽ, bản thân anh C đang mắc bệnh hiểm nghèo, mọi sinh hoạt hàng ngày của anh đều phải có người nhà giúp đỡ nên việc giao cho anh C nuôi cả hai con chung sẽ không đảm bảo được việc chăm sóc các cháu. Xét việc anh C tự nguyện xin nuôi cháu G, để chị N nuôi cháu K là chính đáng nên cần được chấp nhận. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị N không có mặt nên không có quan điểm và đề nghị của chị về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, khi nào chị N đề nghị sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho anh Phạm Văn C được ly hôn chị Triệu Thị N.

2. Xử về con chung: Giao cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Quỳnh G, sinh ngày 25/6/2011; giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Minh K, sinh ngày 18/5/2007. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Phạm Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004990 ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga